

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	CỬ NHÂN TÀI CHÍNH CÔNG (BACHELOR OF PUBLIC FINANCE.)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	TÀI CHÍNH CÔNG (PUBLIC FINANCE)
MÃ NGÀNH/CODE:	
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học về ngành Tài chính công, chuyên ngành Tài chính công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt là những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực tài chính công; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Sau khi tốt nghiệp ra trường, cử nhân ngành tài chính công có nhiều cơ hội nghề nghiệp tại các tổ chức tài chính - ngân hàng, đặc biệt chuyên viên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính – Ngân hàng từ Trung Ương đến địa phương như là các cơ quan tài chính, cơ quan thuế,

cơ quan hải quan, kho bạc nhà nước, ngân hàng nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các cơ quan Bảo hiểm xã hội nhà nước, cơ quan Dự trữ nhà nước... giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện, trường đại học, nhân viên quản lý thuế tại các công ty, tập đoàn, và các tư vấn thuế trong các công ty kiểm toán quốc tế và các tổ chức tài chính khác.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CĐR	Mô tả	Mã CĐR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ và quản lý tài chính công;	CĐR 1
	Kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ và quản lý thuế	CĐR 2
	Kiến thức chung về lĩnh vực tài chính, kiến thức pháp luật về hoạt động tài chính	CĐR 3
	Vận dụng lý thuyết và mô hình phân tích để giải quyết vấn đề, ra quyết định quản lý và đề xuất các giải pháp để cải thiện hoạt động của tổ chức nơi làm việc.	CĐR 4
	Kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý;	CĐR 5
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề kinh tế; chính sách tài chính	CĐR 6
	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	CĐR 7
	Kỹ năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về quản lý Tài chính công; Thuế	CĐR 8
	Kỹ năng làm việc theo nhóm	CĐR 9
	Kỹ năng giao tiếp	CĐR 10
CĐR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 11
CĐR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 12
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn tài chính công; Thuế	CĐR 13
	Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	CĐR 14
	Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở cấp độ tổ chức/đơn vị chức năng (phòng, ban)	CĐR 15

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 131 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	4 HP chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	4 HP chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	5 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	44	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	29	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	10	
TỔNG SỐ	131	Không kể GDQP&AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Tài chính công)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	LLNL1105
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	LLNL1105
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	LLNL1105
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	LLNL1105
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	II	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	1.3. Các học phần của ngành			12		
11	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	I	KHMA1101
12	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	III	KHMA1101
13	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	II	
14	4	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	IV	KHMA1101
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			87		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			15		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Tài chính công)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
15	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	NHLT1101	3	III	KHMA1101
16	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	
17	3	Tài chính công 1 Public Finance 1	NHCO1102	3	IV	
18	4	Quản lý thuế Tax Management	NHCO1121	3	IV	
19	5	Kế toán công Accounting for Public Sector	KTKE1103	3	V	
2.2. Kiến thức ngành				44		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				29		
20	1	Tài chính quốc tế International Finance	NHQT1117	3	IV	
21	2	Thị trường chứng khoán Stock Market	NHCK1117	3	V	
22	3	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3	IV	
23	4	Ngân hàng thương mại Commercial Bank	NHTM1121	3	V	
24	5	Quản lý tổ chức công Public Organization Management	QLXH1122	3	VI	
25	6	Tài chính công 2 Public Finance 2	NHCO1109	3	VI	
26	7	Quản lý tài sản công Public Assets Management	NHCO1119	3	VI	
27	8	Thuế Taxation	NHCO1111	3	VI	
28	9	Thuế quốc tế International Taxation	NHCO1113	3	III	
29	10	Đề án Tài chính công Course Project of Public Finance	NHCO1122	2	V	
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)				15		
30 31 32 33 34	1	Thanh toán quốc tế International settlement	NHQT1112	3	VI	
	2	Tài chính công ty đa quốc gia Mutinaltional Business Finance	NHQT1109	3	III	
	3	Tiếng Anh ngành Tài chính Ngân hàng English for Banking and Finance	NHTM1103	3	IV	
	4	Ngân hàng trung ương Central Banking	NHLT1106	3	VI	
	5	Ngân hàng phát triển Development Banking	NHTM1109	3	VI	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Tài chính công)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	6	Thẩm định tài chính dự án Project Evaluation	NHTC1112	3	VI	
	7	Đầu tư tài chính Financial Investment	DTKT1134	3	VI	
	8	Quản trị dòng tiền Cash Flow Management	NHTC1119	3	VI	
	9	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	IV	
	10	Kiểm toán tài chính Financial Auditing	KTKI1117	3	IV	
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)			18		
	1	Chuyên đề tự chọn Tài chính công Public Finance Electives	NHCO1123	3	VII	
	2	Chính sách công Public Policy	QLXH1101	3	VII	
	3	Kinh tế hải quan Customs Management	TMQT1127	3	V	
	4	Quản trị điều hành dự án Project Execution Management (PEM)	QTKD1118	3	VII	
	5	Phân tích chính sách Introduction to Policy Analysis	QLKT1108	3	IV	
	6	Marketing dịch vụ công Public Service Marketing	MKMA1157	3	VI	
35 36 37	7	Bảo hiểm xã hội Social Insurance	BHKT1106	3	V	
38 39 40	8	Khu vực công và quản lý công Introduction to Public Sector and Public Management	QLXH1103	3	V	
	9	Toán tài chính Financial Mathematics	NHTM1113	3	VII	
	10	Pháp luật kinh tế Economic law	LUKD1185	3	VII	
	11	Quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ State Management for Non- Governmental Organizations	QLXH1126	3	VII	
39	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis		NHCO1124	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ			131		

8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

HIỆU TRƯỞNG

TS Đặng Anh Tuấn

PGS.TS Phạm Hồng Chương